

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU THỐNG NHẤT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 121/CBTT-TRC

Bà Rịa, ngày 14 tháng 03 năm 2023.

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

- Mã chứng khoán: **TNC**

- Địa chỉ: Số 256, đường 27/4, P. Phước Hưng, TP Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa-Vũng

Tàu

- Điện thoại liên hệ: 02543.823119

Fax: 02543.823120

- E-mail: thongnhat.trc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được soát xét.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14/03/2023 tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

*Báo cáo tài chính năm 2022 đã được
soát xét.*



Nguyễn Nhật Thành Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Mã số doanh nghiệp: 3500100424

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	8-26

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư ngày 4 tháng 7 năm 2022 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoạt động chính của Công ty là trồng và khai thác cao su, chuối; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhưông	Chủ tịch kiêm Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Phó chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên
Ông Phan Văn Phú	Thành viên
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm từ ngày 1 tháng 12 năm 2022)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi giao cho Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm, Tổng Giám đốc của Công ty trực tiếp ký phê duyệt trên toàn bộ báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 được đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Số : TNRUB/025.HCM.22

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cao Su Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2023 từ trang 4 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

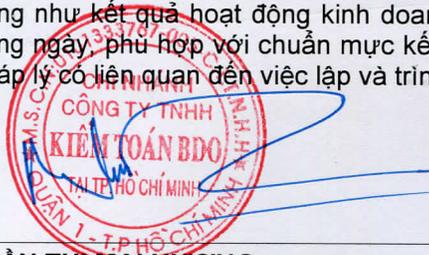
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

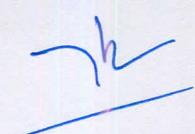
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0417-2023-038-1



PHẠM THỊ VÂN
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1830-2023-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		242.318.067.447	224.017.465.490
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	3.983.258.871	2.904.736.059
Tiền	111		3.983.258.871	2.904.736.059
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	165.000.000.000	165.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		165.000.000.000	165.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.434.899.867	16.144.973.176
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	18.657.185.445	10.567.023.765
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	589.045.918	478.350.188
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	7.105.493.439	10.038.788.158
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(4.916.824.935)	(4.939.188.935)
Hàng tồn kho	140	4.7	51.883.748.066	39.481.928.002
Hàng tồn kho	141		51.883.748.066	39.481.928.002
Tài sản ngắn hạn khác	150		16.160.643	485.828.253
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.12	-	466.341.934
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	16.160.643	19.486.319
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		161.691.555.908	161.702.155.462
Tài sản cố định	220		88.131.531.923	87.894.009.119
Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	88.131.531.923	87.894.009.119
Nguyên giá	222		176.458.181.744	169.211.318.349
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.326.649.821)	(81.317.309.230)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.000.000)	(340.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		40.188.283.718	40.260.050.377
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	40.188.283.718	40.260.050.377
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	30.511.175.704	27.311.175.704
Đầu tư dài hạn khác	253		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.700.000.000	500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.860.564.563	6.236.920.262
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	2.860.564.563	6.236.920.262
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		404.009.623.355	385.719.620.952

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		60.237.278.484	47.051.269.265
Nợ ngắn hạn	310		51.237.278.484	38.051.269.265
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	1.037.111.326	539.976.029
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		80.374.998	1.178.996.800
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	5.557.999.963	1.428.937.827
Phải trả người lao động	314		8.294.774.382	7.154.391.914
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	312.369.143	175.984.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	3.232.943.379	14.994.035.826
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	20.000.000.000	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	4.16	12.721.705.293	12.578.946.869
Nợ dài hạn	330		9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	4.14	9.000.000.000	9.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	343.772.344.871	338.668.351.687
Vốn chủ sở hữu	410		343.772.344.871	338.668.351.687
Vốn cổ phần	411		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.500.000.000	192.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95.474.011.654	95.474.011.654
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		55.798.333.217	50.694.340.033
- Các năm trước	421a		4.005.105.033	11.424.457.932
- Năm hiện hành	421b		51.793.228.184	39.269.882.101
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		404.009.623.355	385.719.620.952



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2023

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng

ĐINH TẤN THÔNG TIN

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		97.357.827.747	70.190.859.828
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	97.357.827.747	70.190.859.828
Giá vốn hàng bán	11	5.2	75.252.364.250	56.782.613.481
Lợi nhuận gộp	20		22.105.463.497	13.408.246.347
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	32.892.020.950	37.278.145.710
Chi phí tài chính	22	5.4	124.270.164	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		124.270.164	-
Chi phí bán hàng	25	5.5	2.702.568.650	807.638.597
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	9.657.439.211	7.857.689.533
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42.513.206.422	42.021.063.927
Thu nhập khác	31	5.7	19.476.875.209	2.120.382.683
Chi phí khác	32	5.8	4.425.133.464	2.025.719.539
Lợi nhuận khác	40		15.051.741.745	94.663.144
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.564.948.167	42.115.727.071
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	5.771.719.983	2.731.465.949
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.9	-	114.379.021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.793.228.184	39.269.882.101
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	2.198	1.583 (*)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.10	2.198	1.583 (*)

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 (năm trước) được trình bày lại trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm nay (thuyết minh 5.9)



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2023

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng

ĐINH TÂN THÔNG TIN

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	57.564.948.167	42.115.727.071
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.415.054.070	8.009.387.249
Hoàn nhập các khoản dự phòng	03	(22.364.000)	(75.866.740)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(49.490.710.018)	(36.658.076.809)
Chi phí lãi vay	06	124.270.164	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	17.591.198.383	13.391.170.771
Thay đổi các khoản phải thu	09	(7.934.284.645)	(4.354.321.770)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(12.401.820.064)	(14.570.392.054)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(10.864.665.899)	4.395.191.359
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.376.355.699	(3.886.416.183)
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.190.712)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.973.962.815)	(1.010.301.051)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.046.476.576)	(4.346.960.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.267.846.629)	(10.382.029.880)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.733.707.935)	(17.179.409.466)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	18.751.586.788	12.502.273
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.200.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	12.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.025.084.838	34.434.090.156
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	39.842.963.691	29.267.182.963
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	22.830.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.830.000.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.496.594.250)	(38.494.822.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.496.594.250)	(38.494.822.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	1.078.522.812	(19.609.669.417)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	2.904.736.059	22.514.405.476
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	3.983.258.871	2.904.736.059



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2023

TRẦN HỮU TRÍ

Kê toán trưởng

ĐINH TẤN THÔNG TIN

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước – Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư ngày 4 tháng 7 năm 2022 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non;
- Đội cao su Phong Phú;
- Đội nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất;
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng (tạm ngừng hoạt động từ tháng 6 năm 2019).

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng và khai thác cao su, chuối; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng công nhân viên của Công ty là 251 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 291 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định kế toán hiện hành khác tại Việt Nam đòi hỏi Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Dụng cụ quản lý	4 - 7 năm
Vườn cây lâu năm (được đề cập tại thuyết minh 3.7 dưới đây)	

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.

3.7 Vườn cây lâu năm

Vườn cây cao su đưa vào khai thác

Nguyên giá của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định dựa trên diện tích và số cây khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 15 đến 20 năm.

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su và mít được đưa vào khai thác.

Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí cải tạo nhà máy và cơ sở hạ tầng của nông trường cao su và chi phí liên quan đến dự án trồng chuối. Các chi phí này được phân bổ kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong vòng 5 năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận góp vốn phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ đã được dự kiến khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi khi đơn vị nhận góp vốn đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho khoản lỗ đã được lập dự phòng trước đây.

3.11 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.12 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận là các chi phí phát sinh trong năm nhưng đến cuối năm chưa chi trả và việc ghi nhận chi phí phải trả phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3.13 Thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại như thuê hoạt động khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê hoạt động.

3.14 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty và Công ty TNHH MTV Minh Quyền ("Minh Quyền") hợp tác thực hiện dự án trồng chuỗi cây mô và mít ứng dụng công nghệ cao theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("HTKD") ngày 31 tháng 7 năm 2018 và phụ lục số 01/PLHĐ/2021 ngày 7 tháng 7 năm 2021, theo đó:

- Vốn góp mỗi bên lần lượt là 6 tỷ VND và 9 tỷ VND, tương đương tỷ lệ vốn góp của mỗi bên là 40:60;
- Lợi nhuận sau thuế từ dự án này được chia theo tỷ lệ mỗi bên là 55:45;
- Thời gian hợp tác là 10 năm từ 1 tháng 8 năm 2018 đến 31 tháng 7 năm 2028.

Kế toán đối với các hợp đồng hợp tác kinh doanh này như sau:

- Khoản vốn mà Công ty nhận được từ đối tác được ghi nhận và trình bày trong khoản mục "phải trả dài hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán, trong trường hợp nếu khoản vốn góp phải hoàn trả cho đối tác trong vòng 12 tháng tới sẽ được trình bày như khoản "phải trả ngắn hạn khác" trên Bảng cân đối kế toán.
- Doanh thu, chi phí và lợi nhuận liên quan đến hoạt động từ hợp tác kinh doanh này được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản tương ứng phần được chia/được phân bổ theo thỏa thuận của HTKD.

3.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được chia

Doanh thu từ cổ tức được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.16 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc đầu tư mở rộng của Công ty;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, ban điều hành và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu là lãi trên cổ phiếu có tính đến tác động của công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, được tính bằng cách lấy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

3.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Riêng đối với các hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường Hoà Bình 2, Nông trường Phong Phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc), Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

3.20 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	534.207.595	248.589.743
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	3.449.051.276	2.656.146.316
	<u>3.983.258.871</u>	<u>2.904.736.059</u>

4.2 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với lãi suất từ 4,9% - 6,3%/ năm	165.000.000.000	165.000.000.000
	<u>165.000.000.000</u>	<u>165.000.000.000</u>

Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với giá trị là 20 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay được nêu tại thuyết minh 4.15.

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>		
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		
Trái phiếu ngân hàng (kỳ hạn 7 năm)	500.000.000	500.000.000
Trái phiếu ngân hàng (kỳ hạn 8 năm)	3.200.000.000	-
	<u>30.511.175.704</u>	<u>27.311.175.704</u>

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của công ty này. Trong năm 2022, Công ty được chia và nhận được cổ tức từ khoản đầu tư này là 24.281.481.907 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	4.089.180.000	4.099.180.000
Nguyễn Tấn Lộc	12.398.400.000	-
Nguyễn Thị Tuyết Vân	-	5.082.000.000
Các khách hàng khác	2.169.605.445	1.385.843.765
Cộng phải thu khách hàng	18.657.185.445	10.567.023.765
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.6)	(4.599.004.935)	(4.621.368.935)
Giá trị thuần	14.058.180.510	5.945.654.830

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ Phần Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty Cổ Phần Tư vấn và Thẩm định giá Đông Nam	82.500.000	82.500.000
Công ty TNHH dịch vụ công nghiệp Duy Phát	63.180.000	-
Khác	103.365.918	55.850.188
	589.045.918	478.350.188

4.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Lãi dự thu	6.174.205.556	9.307.269.444
Tạm ứng nhân viên	18.000.000	18.000.000
Ký quỹ thuê máy photo	5.000.000	5.000.000
Phải thu khác	908.287.883	708.518.714
Cộng phải thu khác	7.105.493.439	10.038.788.158
Dự phòng phải thu khó đòi (thuyết minh 4.6)	(317.820.000)	(317.820.000)
Giá trị thuần	6.787.673.439	9.720.968.158

4.6 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi

	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2022 trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	31/12/2021 trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	4.599.004.935	4.599.004.935	4.621.368.935	4.621.368.935
Phải thu khác	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
	4.916.824.935	4.916.824.935	4.939.188.935	4.939.188.935

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong số dư nợ quá hạn bao gồm 4.407.000.000 VND là khoản phải thu từ Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh phát sinh từ năm 2006 và 509.824.935 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thực ăn gia súc Hưng Long.

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	4.939.188.935	5.015.055.675
Hoàn nhập trong năm	(22.364.000)	(75.866.740)
Số dư cuối năm	4.916.824.935	4.939.188.935

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản nợ phải thu khó đòi đã được xóa nợ trong vòng 10 năm trở lại đây là 323.970.569 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.7 Hàng tồn kho

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Nguyên vật liệu	3.714.514.556	4.390.411.578
Công cụ dụng cụ	960.337.560	1.145.242.572
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.636.778.563	12.239.516.010
Thành phẩm	36.572.117.387	21.706.757.842
Cộng giá gốc hàng tồn kho	51.883.748.066	39.481.928.002
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	51.883.748.066	39.481.928.002

4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2022	64.272.198.394	24.096.810.690	6.508.042.079	417.850.894	73.916.416.292	169.211.318.349
Tăng từ XDCB	-	-	-	-	11.805.474.594	11.805.474.594
Thanh lý	-	-	-	-	(4.558.611.199)	(4.558.611.199)
Số dư 31/12/2022	64.272.198.394	24.096.810.690	6.508.042.079	417.850.894	81.163.279.687	176.458.181.744
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2022	39.625.582.084	20.117.862.307	4.442.397.753	389.169.076	16.742.298.010	81.317.309.230
Khấu hao	3.553.416.583	1.279.982.182	600.848.618	8.604.545	3.972.202.142	9.415.054.070
Thanh lý	-	-	-	-	(2.405.713.479)	(2.405.713.479)
Số dư 31/12/2022	43.178.998.667	21.397.844.489	5.043.246.371	397.773.621	18.308.786.673	88.326.649.821
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2022	24.646.616.310	3.978.948.383	2.065.644.326	28.681.818	57.174.118.282	87.894.009.119
Ngày 31/12/2022	21.093.199.727	2.698.966.201	1.464.795.708	20.077.273	62.854.493.014	88.131.531.923

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 49.521.927.982 VND (31 tháng 12 năm 2021 là 49.521.927.982 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình ngưng sử dụng chờ thanh lý là 578.532.593 VND (31 tháng 12 năm 2021 là 1.316.097.005 VND).

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 309.851.108 VND.

Trong năm, Công ty đã thanh lý vườn cây cao su gãy đổ tại Nông trường Phong Phú và Hòa Bình 2 và chi tiết như sau :

Nông trường/Đội	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Phong Phú	10.314	1.223.361.572	(575.011.132)	648.350.440
- Hòa Bình 2	29.649	3.335.249.627	(1.830.702.347)	1.504.547.280
	39.963	4.558.611.199	(2.405.713.479)	2.152.897.720

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Vào ngày 01/01/2022 VND	Tăng trong năm VND	Kết chuyển TSCĐ VND	Vào ngày 31/12/2022 VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	38.309.727.131	8.119.058.298	(11.805.474.594)	34.623.310.835
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	1.871.284.068	705.481.248	-	2.576.765.316
Chi phí XDCB khác	79.039.178	2.909.168.389	-	2.988.207.567
	40.260.050.377	11.733.707.935	(11.805.474.594)	40.188.283.718

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	312.747.192	324.354.579
Chi phí cải tạo nhà máy và cơ sở hạ tầng của nông trường	121.107.787	132.719.315
Chi phí liên quan dự án trồng chuối	2.242.000.190	5.606.144.824
Chi phí khác	184.709.394	173.701.544
	2.860.564.563	6.236.920.262

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	6.236.920.262	2.350.504.079
Tăng trong năm	1.924.938.122	9.682.982.697
Phân bổ trong năm	(5.301.293.821)	(5.796.566.514)
Số dư cuối năm	2.860.564.563	6.236.920.262

4.11 Phải trả người bán - ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Công ty TNHH Phân bón Kiến Khoa	431.970.000	-
Công ty TNHH Quốc Tế Nông nghiệp Vàng	231.478.000	48.438.096
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc	114.750.009	-
Công ty TNHH SX TM DV XNK Minh Quyền	-	238.450.000
Công ty TNHH Cách Nhiệt Hà Bắc	-	103.740.000
Nguyễn Thị Thu Hồng	-	73.039.468
Các nhà cung cấp khác	258.913.317	76.308.465
	1.037.111.326	539.976.029

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.12 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) được khấu trừ

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	466.341.934	-
Phát sinh trong năm:		
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	2.161.375.100	3.710.345.868
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	(1.329.894.099)	(1.431.018.381)
- Thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	(1.297.822.935)	(1.812.985.553)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>466.341.934</u>

Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	Vào ngày 01/01/2022 (phải thu)/phải trả VND	Phải nộp trong năm VND	Đã nộp trong năm VND	Vào ngày 31/12/2022 (phải thu)/phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.206.668.799	(937.127.883)	269.540.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.380.973.827	5.872.721.242	(1.973.962.815)	5.279.732.254
Thuế thu nhập cá nhân	46.635.040	1.094.980.684	(1.134.219.811)	7.395.913
Thuế tài nguyên	1.328.960	14.020.480	(14.018.560)	1.330.880
Tiền thuế đất	(19.486.319)	16.680.761.795	(16.677.436.119)	(16.160.643)
Lệ phí môn bài	-	8.000.000	(8.000.000)	-
Khác	-	569.755	(569.755)	-
Tổng cộng	1.409.451.507	24.877.722.755	(20.745.334.943)	5.541.839.320
Trong đó:				
Phải trả	1.428.937.827			5.557.999.963
Phải thu	(19.486.319)			(16.160.643)

(*) Thuế thu nhập phải nộp trong năm bao gồm:

	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty	5.771.719.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Minh Quyền – đối tác của HTKD	101.001.259
	<u>5.872.721.242</u>

4.13 Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Chi phí ăn giữa ca	149.789.691	125.984.000
Chi phí lãi vay	110.079.452	-
Chi phí khác	52.500.000	50.000.000
	<u>312.369.143</u>	<u>175.984.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.14 Phải trả khác

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	1.331.211.218	1.327.805.468
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	404.546.250	569.080.300
Phải trả bên đối tác của HTKD – Minh Quyền	1.237.142.713	328.131.370
Phải trả bên đối tác của HTKD – Kizuna	-	12.513.742.674
Phải trả khác	260.043.198	255.276.014
	3.232.943.379	14.994.035.826
Dài hạn		
Phải trả bên đối tác của HTKD - nhận góp vốn - Công ty TNHH MTV Minh Quyền	9.000.000.000	9.000.000.000
	9.000.000.000	9.000.000.000

Trong khoản phải trả ngắn hạn khác bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.15 Vay ngắn hạn

	31/12/2022 VND	31/12/2021 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	20.000.000.000	-
	20.000.000.000	-

Khoản vay 20.000.000.000 VND từ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được thế chấp bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng trên theo hợp đồng cầm cố tài sản số 167/HĐCC-NK.HS ngày 18 tháng 10 năm 2022, với lãi suất vay và ngày đến hạn theo từng giấy nhận nợ vay như sau:

Giấy nhận nợ	VND	Lãi suất	Ngày đến hạn
Số 6090-LDS-202205111 ngày 24/10/2022	7.000.000.000	5,9%	24/03/2023
Số 6090-LDS-202205887 ngày 30/11/2022	7.000.000.000	5,9%	30/04/2023
Số 6090-LDS-2022 ngày 27/12/2022	6.000.000.000	5,9%	27/05/2023
	20.000.000.000		

Biến động khoản vay trong năm tài chính 2022 như sau:

	Vay ngắn hạn VND
Số dư đầu năm	-
Vay trong năm	22.830.000.000
Trả nợ vay trong năm	(2.830.000.000)
Số dư cuối năm	20.000.000.000

4.16 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	12.578.946.869	10.129.806.821
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	8.189.235.000	6.796.101.000
Sử dụng quỹ trong năm	(8.046.476.576)	(4.346.960.952)
Số dư cuối năm	12.721.705.293	12.578.946.869

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.17 Vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2021	192.500.000.000	95.474.011.654	56.720.558.932	344.694.570.586
Lợi nhuận trong năm	-	-	39.269.882.101	39.269.882.101
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.796.101.000)	(6.796.101.000)
Chia cổ tức	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Số dư 31/12/2021	192.500.000.000	95.474.011.654	50.694.340.033	338.668.351.687
Năm nay				
Số dư 01/01/2022	192.500.000.000	95.474.011.654	50.694.340.033	338.668.351.687
Lợi nhuận trong năm	-	-	51.793.228.184	51.793.228.184
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(8.189.235.000)	(8.189.235.000)
Chia cổ tức	-	-	(38.500.000.000)	(38.500.000.000)
Số dư 31/12/2022	192.500.000.000	95.474.011.654	55.798.333.217	343.772.344.871

Các Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm toán trong năm 2022 được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 13 tháng 6 năm 2022.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ (tiếp theo)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	2022 VND	2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	192.500.000.000	192.500.000.000
Chia cổ tức trong năm	38.500.000.000	28.875.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 13 tháng 6 năm 2022, cổ tức năm 2021 được chia theo tỷ lệ 20% (2020: 20%).

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2022	31/12/2021
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

- Cổ phiếu ưu đãi : không có

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu thuần

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mủ cao su	45.642.555.000	40.404.570.000
Doanh thu gia công mủ cao su	5.120.941.000	4.798.906.350
Doanh thu bán chuối	55.268.376.607	32.769.979.180
Doanh thu bán mít	-	806.611.500
Trừ: Doanh thu bán chuối và mít phân bổ cho bên đồng tác của HTKD	(10.180.233.000)	(9.707.853.020)
Doanh thu khác	1.506.188.140	1.118.645.818
	97.357.827.747	70.190.859.828
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	97.357.827.747	70.190.859.828

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.2 Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn bán mủ cao su	35.478.873.905	30.826.504.125
Giá vốn gia công mủ cao su	4.465.860.538	4.222.822.265
Giá vốn bán chuối	43.976.362.848	29.128.409.993
Giá vốn bán mít	-	1.532.759.234
Trừ: Giá vốn bán chuối và mít phân bổ cho bên đồng tác của HTKD	(9.170.220.398)	(9.424.990.793)
Giá vốn khác	501.487.357	497.108.657
	75.252.364.250	56.782.613.481

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	24.558.868.499	20.615.053.638
Chi phí nhân công	36.619.735.096	35.714.886.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.292.739.702	6.887.072.877
Chi phí dụng cụ sản xuất	12.679.499.554	5.646.206.731
Chi phí khác	14.872.189.375	11.413.273.464
Giá vốn phân bổ cho bên đồng tác của HTKD	(9.170.220.398)	(9.424.990.793)
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu năm và cuối năm	2.264.911.967	(4.192.152.723)
Chênh lệch thành phẩm đầu năm và cuối năm	(14.865.359.545)	(9.876.736.023)
	75.252.364.250	56.782.613.481

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.610.539.043	11.356.582.297
Cổ tức được chia	24.281.481.907	25.921.563.413
	32.892.020.950	37.278.145.710

5.4 Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi vay	124.270.164	-
	124.270.164	-

5.5 Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí bốc xếp	23.126.675	39.113.000
Chi phí đóng gói	2.679.441.975	1.160.673.963
Chi phí đóng gói phân bổ cho đồng tác kinh doanh	-	(399.213.821)
Chi phí khác	-	7.065.455
	2.702.568.650	807.638.597

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.012.405.068	5.715.659.669
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	41.571.668	40.516.136
Chi phí khấu hao tài sản cố định	384.749.956	384.749.960
Thuế, phí và lệ phí	5.130.395	13.914.000
Trợ cấp thôi việc	76.102.125	371.368.700
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(22.364.000)	(75.866.740)
Chi phí khác	2.159.843.999	1.407.347.808
	9.657.439.211	7.857.689.533

5.7 Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Thu thanh lý cây cao su	21.117.897.235	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(2.152.897.720)	-
Chi phí thanh lý tài sản	(213.412.727)	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	18.751.586.788	-
Thu nhập từ hỗ trợ sản lượng và giá bán từ Kizuna	-	740.976.481
Thu khác	725.288.421	1.379.406.202
	19.476.875.209	2.120.382.683

5.8 Chi phí khác

	2022 VND	2021 VND
Thu thanh lý cây cao su và tài sản cố định	-	(89.775.000)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	1.137.110.148
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý phân bổ cho đối tác kinh doanh	-	(504.538.974)
Chi phí thanh lý tài sản	-	77.272.727
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	-	620.068.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	737.564.412	737.564.412
Chi phí thuê đất	3.680.853.633	351.741.932
Chi phí phạt vi phạm hành chính	5.526.409	62.144.064
Chi phí khác	1.189.010	254.200.230
	4.425.133.464	2.025.719.539

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.771.719.983	2.731.465.949
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	114.379.021
	5.771.719.983	2.845.844.970

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.564.948.167	42.115.727.071
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế:		
Chi phí không được khấu trừ	305.526.409	338.144.064
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)	(24.281.481.907)	(25.921.563.413)
Chênh lệch tạm thời: Dự phòng phải thu khó đòi	-	(571.895.104)
Lợi nhuận chịu thuế	33.588.992.669	15.960.412.618
Chi phí thuế TNDN được tính trên lợi nhuận chịu thuế năm hiện hành		
Trong đó:		
- theo thuế suất ưu đãi 10%	927.044.676	460.616.576
- theo thuế suất phổ thông 20%	4.863.709.183	2.270.849.373
Thuế nộp thừa các năm trước	(19.033.876)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.771.719.983	2.731.465.949

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022	2021 (trình bày lại)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	51.793.228.184	39.269.882.101
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán (VND) (*)	(9.481.215.000)	(8.794.035.000)
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	42.312.013.184	30.475.847.101
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm/ được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.198	1.583
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.198	1.583

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính 2021 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 13 tháng 6 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản quỹ khen thưởng phúc lợi dự kiến được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 13 tháng 6 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: nông nghiệp và khác (chủ yếu là đầu tư)

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 Đơn vị tính : triệu VND

	Nông nghiệp		Khác		Cộng	
	2022	2021	2022	2021	2022	2021
Doanh thu bán cho bên ngoài						
Giá vốn	95.852	69.072	1.506	1.119	97.358	70.191
Doanh thu tài chính	(74.704)	(56.286)	(548)	(497)	(75.252)	(56.783)
Chi phí tài chính	-	-	32.892	37.278	32.892	37.278
Lãi/ (lỗ) khác	(124)	-	-	-	(124)	-
Kết quả bộ phận	15.798	(68)	(746)	162	15.052	94
	36.822	12.718	33.104	38.062	69.926	50.780
Chi phí không phân bổ					(12.360)	(8.665)
Chi phí thuế TNDN					(5.772)	(2.846)
Lợi nhuận sau thuế					51.794	39.269
Chi phí mua sắm tài sản	8.829	14.168	-	-	8.829	14.168
Chi phí khấu hao	9.415	8.009	-	-	9.415	8.009

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Đơn vị tính : triệu VND

	Nông nghiệp		Khác		Cộng	
	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021
Tài sản bộ phận	199.191	184.101	204.818	201.618	404.009	385.719
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	199.191	184.101	204.818	201.618	404.009	385.719
Nợ phải trả bộ phận	60.237	47.051	-	-	60.237	47.051
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	60.237	47.051	-	-	60.237	47.051

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập, và Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2022	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2021
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.983	2.905	3.983	2.905
Đầu tư tài chính (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu)	168.700	165.500	168.700	165.500
Phải thu khách hàng	14.058	5.946	14.058	5.946
Phải thu khác	6.788	9.721	6.788	9.721
	193.529	184.072	193.529	184.072
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.037	540	1.037	540
Vay và nợ thuê tài chính	20.000	-	20.000	-
Các khoản phải trả khác	11.214	22.842	11.214	22.842
	32.251	23.382	32.251	23.382

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh với các bên có liên quan trong năm như sau :

	2022 VND	2021 VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn		
Bán cây cao su thanh lý	-	49.775.000

Thù lao thực hiện cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Giám đốc trong năm như sau :

		2022 VND	2021 VND
Họ và tên	Chức danh		
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Chủ tịch HĐQT	778.100.000	688.200.000
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Tổng Giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT	692.640.000	644.100.000
Ông Trần Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc	319.000.000	324.000.000
Ông Nguyễn Thanh Bình	Trưởng ban UBKT kiêm Thành viên HĐQT	78.740.000	124.500.000
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên HĐQT	78.740.000	70.500.000
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên HĐQT	78.740.000	70.500.000
Ông Phan Văn Phú	Thành viên HĐQT	78.740.000	70.500.000
Ông Phạm Anh Sơn	Thành viên UBKT kiêm Thành viên HĐQT	78.740.000	34.500.000
		2.183.440.000	2.026.800.000

8.2 Tiền thuê đất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang thuê đất của Nhà nước với tổng diện tích khoảng 2.191 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp khoảng 2.182 ha và đất phi nông nghiệp khoảng 9 ha; tiền thuê đất được trả hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế địa phương. Tiền thuê đất phải trả trong năm 2022 được nêu tại thuyết minh 4.12.

8.3 Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Tổng Giám đốc

TRẦN HỮU TRÍ
Kế toán trưởng

ĐINH TẤN THÔNG TIN
Người lập

TP. Bà Rịa, ngày 14 tháng 3 năm 2023